

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Mẫu 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Ngành: Giáo dục Mầm non
Mã số: 51 14 02 01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Ngành: Giáo dục Mầm non
Mã số: 51 14 02 01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA	3
1.1. Mục tiêu chung	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra.....	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	3
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	4
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	4
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	4
1.5. Các chương trình đã tham khảo	4
1.5.1. Các chương trình trong nước	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	5
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	6
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	8
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (Không có)	11
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	11
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (Không có) ..	13
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	14
Tâm lý học trẻ em 1.....	15
Tâm lý học trẻ em 2C.....	18
Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	21
Sinh lý trẻ em.....	25
Phòng bệnh trẻ em.....	31
Kỹ năng tạo hình.....	34
Nhạc 1	38
Nhạc 2	41
Kỹ năng làm đồ chơi	44
Vận động theo nhạc.....	48
Văn học trẻ em.....	51

Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non.....	55
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo (giáo dục mầm non)....	59
Tâm lý học nhân cách.....	63
Giáo dục môi trường.....	67
Hát dân ca	71
Giáo dục hòa nhập.....	74
Nghệ thuật nói diễn cảm.....	77
Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	80
Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (CĐ).....	86
Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (CĐ).....	90
Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (CĐ).....	93
Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (CĐ)	97
Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (CĐ)	101
Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (CĐ)	106
Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.....	111
Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non	114
Thực hành sự phạm 1	118
Thực hành sự phạm 2	121
Thực hành sự phạm 3	124
Thực hành sự phạm 4.....	127
Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non.....	130
Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	133
Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non.....	137
Biên đạo múa cho trẻ mầm non	139
Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.....	142
Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non.....	145
Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non.....	148
Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	151
Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	154
Giáo dục cảm xúc trẻ mầm non	157
Nghề giáo viên mầm non	160

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành giáo dục mầm non có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để thực hiện công tác giáo dục trẻ và có khả năng học ở trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Kiến thức chung
 - Hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và hiểu biết về Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước.
- Kiến thức chuyên ngành:
 - Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học giáo dục mầm non (kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành), kiến thức nghiệp vụ sư phạm mầm non để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.
- Kiến thức bổ trợ:
 - Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học theo quy định chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo:
 - + Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) cho các ngành không chuyên tiếng Anh:
 - Chứng chỉ B (Quốc gia)
 - Chứng chỉ A2 (Khung Châu Âu)
 - Chứng chỉ Toeic 400
 - Chứng chỉ Toefl PBT 400
 - Chứng chỉ Toefl IBT 35
 - Chứng chỉ IELTS 4.0
 - + Chuẩn đầu ra Tin học cho các ngành không chuyên Tin học:
 - Chứng chỉ A (Quốc gia)
 - + Đối với các ngành Sư phạm sinh viên phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Phân tích chương trình giáo dục mầm non.

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch chăm sóc và giáo dục phù hợp với trẻ ở các lứa tuổi mầm non.
- Tổ chức, quản lý công tác chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- Quan sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non.
- Giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau.
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; phối hợp thực hiện tốt dây chuyền trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ tại nhóm/lớp và trường mầm non.
- Thông tin, tuyên truyền về công tác chăm sóc, giáo dục mầm non trong cộng đồng
- Ứng dụng công nghệ thông tin, thành tựu giáo dục mầm non trong và ngoài nước vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ.
- Tự nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn nhằm thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương và các quy định của trường mầm non.
- Nỗ lực rèn luyện các phẩm chất đạo đức, tác phong của người giáo viên mầm non, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy với công việc, có ý thức trách nhiệm; tác phong năng động, linh hoạt.
- Có tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ.
- Có tinh thần cầu tiến; ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Các chương trình đào tạo Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Giáo dục Mầm non.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình khung giáo dục Cao đẳng, ngành giáo dục mầm non của Bộ GD – ĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/-BGĐT ngày 15 tháng 05 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD – ĐT).
- Chương trình giáo dục mầm non trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội
- Chương trình giáo dục mầm non trường Cao đẳng sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh

1.5.2. Các chương trình nước ngoài: không có

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo: 03 năm.

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **128** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **112** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **43** tín chỉ (bắt buộc: 41 tín chỉ; tự chọn: 2 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **40** tín chỉ (bắt buộc: 32 tín chỉ; tự chọn: 8 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành (nếu có): **Không có**
- Thực tập nghề nghiệp: **6** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **4** tín chỉ

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

a. Điều kiện về học các MH/HP bắt buộc trong chương trình

Khối lượng kiến thức bắt buộc được xác định cho từng học phần trong chương trình khung, thể hiện rõ các điều kiện về MH/HP học trước. Vì vậy, một số MH/HP

thuộc khối kiến thức chung và các MH/HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cần được thực hiện vào năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ hai. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành bắt đầu được thực hiện vào học kỳ 1 của năm thứ 2 và được sắp xếp hợp lý, phụ thuộc vào điều kiện về MH/HP học trước (chủ yếu từ các MH/HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành) nhằm giúp sinh viên không chỉ học kịp tiến độ mà có thể linh hoạt lựa chọn một số MH/HP học trước cho phù hợp với kế hoạch cá nhân.

b. Điều kiện về học các học phần tự chọn

Các học phần tự chọn được xây dựng theo hướng chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và thực tiễn giáo dục mầm non. Số lượng các học phần tự chọn nhiều, được mở linh hoạt ở các học kỳ tùy theo từng khóa học và điều kiện MH/HP học trước. Sinh viên mỗi khóa học cần tích lũy đủ 12 tín chỉ trong số các học phần tự chọn của chương trình đào tạo (4TC thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và 8TC thuộc khối kiến thức ngành).

c. Điều kiện về cơ sở vật chất

- Phòng học cụ: được trang bị đầy đủ các loại đồ chơi, đồ dùng, mô hình, tranh ảnh, nguyên vật liệu phong phú...phù hợp với trẻ ở các lứa tuổi khác nhau để sinh viên có thể sử dụng, thực hành tập dạy ở các HP phương pháp trên lớp.

- Phòng chức năng: Phòng múa có gương soi và không gian rộng, được sử dụng cho các HP/MH_Vận động theo nhạc, Biên đạo múa cho trẻ MN, Thực hành sư phạm 2, Phương pháp giáo dục thể chất.

- Các phòng học học các học phần phương pháp và các học phần Thực hành sư phạm thuộc khối kiến thức ngành cần có bàn ghế rời dễ di chuyển và sắp xếp: Thuận tiện rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên qua tổ chức các giờ thực hành, tập dạy.

d. Điều kiện về qui mô lớp học

Một số HP/MH nhằm rèn luyện kỹ năng nghề chuyên biệt (Kỹ năng tạo hình, Nhạc 1, Nhạc 2, Kỹ năng làm đồ chơi, Vận động theo nhạc, Biên đạo múa cho trẻ mầm non, Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non) và các học phần THSP, cần được mở mỗi nhóm lớp gồm tối đa 40 sinh viên.

e. Điều kiện về thực hành sư phạm và thực tập sư phạm

- Thời gian thực hành sư phạm (thuộc phần lớn các môn trong khối kiến thức ngành tổ chức cho sinh viên đi thực tế dự các hoạt động giáo dục ở trường mầm non), được tính trong số tiết dạy của mỗi HP/MH (3 tiết/1buổi).

- Thực tập sư phạm, gồm 6TC, được thực hiện vào học kỳ 6 của khóa học, sau khi sinh viên đã hoàn thành hầu hết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, khối

kiến thức ngành theo các điều kiện HP/MH trước, được coi như một học phần quan trọng bắt buộc trong chương trình đào tạo.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Khối kiến thức chung: 19/112 tín chỉ										
Bắt buộc: 19/19 tín chỉ										
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	75	0	0	0	75	1.0	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30	0	0	0	30	1.0	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45	0	0	0	45	1.0	861002
4	Giáo dục thể chất I	862101	1	0	0	0	30	30	0.5	
5	Giáo dục thể chất II	862102	1	0	0	0	30	30	0.5	862101
6	Giáo dục thể chất III	862103	1	0	0	0	30	30	0.5	862101
7	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	862106	3	45	0	0	0	45	1.0	861003
8	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	862107	2	30	0	0	0	30	1.0	
9	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	862108	3	45	0	0	0	45	1.0	
10	Tiếng Anh I	866101	2	30	0	0	0	30	1.0	Điểm KS ≥ 50
11	Tiếng Anh II	866102	2	30	0	0	0	30	1.0	866101
12	Tiếng Anh III	866103	3	45	0	0	0	45	1.0	866102
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30	0	0	0	30	1.0	
Tự chọn: 00/19 tín chỉ										
II Khối kiến thức cơ sở: 43/112 tín chỉ										
Bắt buộc: 41/43 tín chỉ										
14	Tâm lý học đại cương	863001	2	30	0	0	0	30	1	
15	Giáo dục học đại cương	863005	2	30	0	0	0	30	1	
16	Phương pháp nghiên cứu KHGD	863009	2	30	0	0	0	30	1	763004+08
17	Tâm lý học trẻ em 1	819101	3	25	10	10	0	45	1	863001
18	Tâm lý học trẻ em 2C	719101	2	14	10	6	0	30	1	863001
19	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	819103	4	35	5	5	15	60	1	
20	Sinh lý trẻ em	819022	2	20	0	10	0	30	1	

21	Phòng bệnh trẻ em	819052	2	15	5	0	10	30	1	
22	Kỹ năng tạo hình	819020	3	15	0	0	30	45	1	
23	Nhạc 1	819021	2	15	10	0	5	30	1	
24	Nhạc 2	819301	2	5	5	0	20	30	1	
25	Kỹ năng làm đồ chơi	819024	2	15	5	0	10	30	1	
26	Vận động theo nhạc	819026	3	10	10	5	20	45	1	
27	Văn học trẻ em	819302	3	26	8	9	2	45	1	
28	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non	819303	3	30	5	5	5	45	1	863005
29	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý ngành GD-ĐT (GDMN)	819304	2	16	3	3	8	30	1	
30	Giáo dục hòa nhập	819058	2	14	5	5	6	30	1	819303
Tự chọn: 02/43 tín chỉ										
31	Tâm lý học nhân cách	819030	2	20	5	5	0	30	1	863001
32	Giáo dục môi trường	819053	2	15	5	5	5	30	1	819303
33	Hát dân ca	819032	2	5	5	0	20	30	1	
34	Nghệ thuật nói diễn cảm	819307	2	10	10	0	10	30	1	
Khối kiến thức ngành: 40/112 tín chỉ										
Bắt buộc: 32/40 tín chỉ										
35	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	819308	4	23	2	10	25	60	1	819303
36	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (CĐ)	819310	2	15	5	5	5	30	1	819303
37	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (CĐ)	819065	3	25	10	5	5	45	1	819026 819303
38	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (CĐ)	819066	3	20	5	5	15	45	1	819303
39	Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (CĐ)	819067	3	25	5	5	10	45	1	819020 819024 819303
40	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (CĐ)	819068	3	20	10	5	10	45	1	819303
41	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (CĐ)	819069	3	25	5	5	10	45	1	819303

42	Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	819070	3	25	5	5	10	45	1	819303
43	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	819311	4	30	10	5	15	60	1	819109 819110
44	Thực hành sư phạm 1	819084	1	7	1	20	2	30	0.5	
45	Thực hành sư phạm 2	819085	1	8	4	3	15	30	0.5	819301 819026
46	Thực hành sư phạm 3	819086	1	8	4	3	15	30	0.5	819110
47	Thực hành sư phạm 4	819087	1	0	10	5	15	30	0.5	819109
Tự chọn: 08/40 tín chỉ										
48	Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non	819312	2	15	5	5	5	30	1	819101
49	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	819111	2	15	5	0	10	30	1	819303
50	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	819113	2	15	5	5	5	30	1	819303
51	Biên đạo múa cho trẻ mầm non	819118	2	10	10	5	5	30	1	819026
52	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	819057	2	15	5	5	5	30	1	819303
53	Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non	819313	2	10	0	5	15	30	1	819301
54	Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non	819314	2	15	5	5	5	30	1	819107
55	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	819315	2	10	10	0	10	30	1	
56	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	819316	2	10	10	6	4	30	1	819303
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: Không có									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									
V	Thực tập: 06/112 tín chỉ									
57	Thực tập sư phạm	763015	6					90	1	819103 819052 819311 819310 819065 819066 819067 819070
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 04/112 tín chỉ									
	Khóa luận tốt nghiệp	719099	4							
	Các học phần thay thế KLTN		4							

16	Phương pháp NCKHGD	863009	2			X								
17	Tâm lý học trẻ em 1	819101	3		x									
18	Tâm lý học trẻ em 2C	719101	2		x									
19	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	819103	4	x										
20	Sinh lý trẻ em	819022	2	x										
21	Phòng bệnh trẻ em	819052	2		x									
22	Kỹ năng tạo hình	819020	3		x									
23	Nhạc 1	819021	2	x										
24	Nhạc 2	819301	2		x									
25	Kỹ năng làm đồ chơi	819024	2			X								
26	Vận động theo nhạc	819026	3		x									
27	Văn học trẻ em	819302	3	x										
28	Tổ chức HĐ dạy học và GD ở trường MN	819303	3		x									
29	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDMN)	819304	2							x				
30	Giáo dục hòa nhập	819058	2				x							
Tự chọn: 02/43 tín chỉ														
31	Tâm lý học nhân cách	819030	2			x								
32	Giáo dục môi trường	819053	2			x								
33	Hát dân ca	819032	2			x								
34	Nghệ thuật nói diễn cảm	819307	2				x							
III Khối kiến thức ngành: 40/112 tín chỉ														
Bắt buộc: 32/40 tín chỉ														
35	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	819308	4			x								
36	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học (CĐ)	819310	2					x						
37	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (CĐ)	819065	3			x								
38	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (CĐ)	819066	3			x								
39	Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (CĐ)	819067	3				x							
40	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (CĐ)	819068	3				x							
41	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (CĐ)	819069	3				x							
42	Phương pháp hướng dẫn hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	819070	3			x								
43	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	819311	4					x						
44	Thực hành sư phạm 1	819084	1		x									
45	Thực hành sư phạm 2	819085	1			x								

46	Thực hành sư phạm 3	819086	1							x				
47	Thực hành sư phạm 4	819087	1							x				
Tự chọn: 08/40 tín chỉ														
48	Giáo dục sáng tạo cho trẻ mầm non	819312	2							x				
49	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	819111	2							x				
50	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	819113	2							x				
51	Biên đạo múa cho trẻ mầm non	819118	2							x				
52	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	819057	2							x				
53	Biên soạn các bài hát cho trẻ mầm non	819313	2								x			
54	Giáo dục tâm vận động cho trẻ mầm non	819314	2								x			
55	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	819315	2								x			
56	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	819316	2								x			
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: Không có													
	Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.5													
V	Thực tập: 06/112 tín chỉ													
57	Thực tập sư phạm	763015	6											x
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 04/112 tín chỉ													
	Khóa luận tốt nghiệp	719099	4								x	x	x	
	Các học phần thay thế KLTN		4											
58	Giáo dục cảm xúc trẻ mầm non	819112	2							x				
59	Nghề giáo viên mầm non	819054	2							x				
	Tổng:			13	20	18	9	9	4	0	6	0		
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy			112 tín chỉ/ 128 tín chỉ											

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (Không có)

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao